

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2011
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2011**

Tháng 08 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 – 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Văn Tân	Chủ tịch
Ông Đặng Thanh Bình	Phó Chủ tịch
Bà Phan Thị Thảo Sương	Thành viên
Ông Hồ Nghĩa Tín	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Toàn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hồ Nghĩa Tín	Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Thảo Sương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Đăng Phong	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Hồ Nghĩa Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2011

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 21. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Hoàng Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0145/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 8 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Nam Phong
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0929/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		294.193.750.052	199.652.093.999
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	730.885.409	40.880.080.203
1. Tiền	111		730.885.409	6.880.080.203
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	34.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.221.101.633	66.567.310.831
1. Phải thu khách hàng	131		12.832.018.304	27.381.897.277
2. Trả trước cho người bán	132		31.979.714.203	39.573.015.055
3. Các khoản phải thu khác	135		54.823.726	257.853.099
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(645.454.600)	(645.454.600)
III. Hàng tồn kho	140	6	238.268.229.781	90.473.291.434
1. Hàng tồn kho	141		238.268.229.781	90.473.291.434
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.973.533.229	1.731.411.531
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.479.041.830	1.178.649.361
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.688.487.025	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		378.982.241	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		427.022.133	552.762.170
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		692.519.460.669	570.055.836.624
I. Tài sản cố định	220		689.944.992.476	566.796.195.184
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	187.425.325.192	184.671.782.438
- Nguyên giá	222		245.736.875.771	230.682.113.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.311.550.579)	(46.010.330.835)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	63.966.465.390	63.805.420.013
- Nguyên giá	228		63.997.929.059	63.830.173.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(31.463.669)	(24.753.167)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	438.553.201.894	318.318.992.733
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.600.000.000	1.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	1.600.000.000	1.600.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		974.468.193	1.659.641.440
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		974.468.193	1.659.641.440
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 =100+200)	270		986.713.210.721	769.707.930.623

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		655.899.488.159	431.581.979.169
I. Nợ ngắn hạn	310		421.168.752.782	256.908.275.734
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	321.183.639.340	207.295.328.898
2. Phải trả người bán	312		31.484.822.235	13.009.455.667
3. Người mua trả tiền trước	313		8.904.313.455	19.848.896.581
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	4.198.062.579	4.572.034.443
5. Phải trả người lao động	315		3.213.783.067	4.874.758.234
6. Chi phí phải trả	316		1.140.964.882	3.868.427.550
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	48.901.086.454	433.850.166
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.142.080.770	3.005.524.195
II. Nợ dài hạn	330		234.730.735.377	174.673.703.435
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	234.730.735.377	174.673.703.435
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		330.813.722.562	338.125.951.454
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	330.813.722.562	338.125.951.454
1. Vốn điều lệ	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.175.100.000	37.175.100.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(939.586.881)	(423.801.274)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.395.287.553	8.395.287.553
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.395.287.553	8.395.287.553
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		77.787.634.337	84.584.077.622
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		986.713.210.721	769.707.930.623

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	30/6/2011	12/31/2010
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ	VND	32.723.299.276	76.394.783.985

Hồ Nghĩa Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2011

Trần Mai Thị Bé Liệu
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011**MẪU SỐ B 02-DN**
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		401.921.349.517	283.714.823.618
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		17.329.827	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	16	401.904.019.690	283.714.823.618
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	343.021.308.148	233.009.461.865
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		58.882.711.542	50.705.361.753
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.592.118.765	530.328.113
7. Chi phí tài chính	22	18	18.977.199.916	11.347.019.329
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.825.356.147	8.019.044.582
8. Chi phí bán hàng	24		1.289.786.828	579.319.662
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.444.818.513	6.257.636.329
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		32.763.025.050	33.051.714.546
11. Thu nhập khác	31	19	5.854.339.204	12.626.264
12. Chi phí khác	32		184.378.363	73.793.345
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		5.669.960.841	(61.167.081)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=40+30)	50		38.432.985.891	32.990.547.465
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	5.229.429.176	185.421.164
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		33.203.556.715	32.805.126.301
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	1.660	2.187

Hồ Nghĩa Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2011

Trần Mai Thị Bé Liễu
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	38.432.985.891	32.990.547.465
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	12.307.930.246	11.903.615.296
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(827.464.433)	(350.002.981)
Chi phí lãi vay	06	13.825.356.147	8.148.414.063
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	63.738.807.851	52.692.573.843
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	22.346.209.198	(24.835.082.373)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(151.949.867.083)	(49.235.921.394)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(50.634.673.813)	54.475.376.663
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	(8.556.948.451)	(2.349.629.953)
Tiền lãi vay đã trả	13	26.794.643.853	(8.102.074.560)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(812.259.573)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	57.486.007
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(863.443.425)	(103.532.985)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(99.937.531.443)	22.599.195.248
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(114.984.470.168)	(102.893.471.236)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(75.190.049.728)	(26.087.148.233)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	75.190.049.728	41.087.148.233
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	827.464.433	393.040.481
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(114.157.005.735)	(87.500.430.755)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	498.759.382.647	213.154.936.733
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(324.814.040.263)	(174.385.208.460)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	173.945.342.384	38.769.728.273
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(40.149.194.794)	(26.131.507.234)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	40.880.080.203	31.224.743.717
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	730.885.409	5.093.236.483

Hồ Nghĩa Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2011

Trần Mai Thị Bé Liễu
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, Quận Liên Chiểu

Báo cáo tài chính

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý (gọi tắt là “Công ty”) là công ty được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3203001911 ngày 27 tháng 02 năm 2008. Ngày 02 tháng 12 năm 2010, Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 6 số 0400605391 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 200 tỷ đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với ngày giao dịch đầu tiên là ngày 11 tháng 5 năm 2010 và mã chứng khoán là DNY.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Khu công nghiệp Thanh Vinh, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 775 (31 tháng 12 năm 2010 là 618).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các loại thép xây dựng; kinh doanh sắt thép; kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp và gia công cơ khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Khả năng tiếp tục hoạt động

Tại ngày 30/6/2011, vốn lưu động của Công ty bị thiếu hụt do công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 126.975.002.730 đồng, trong đó bao gồm khoản nợ dài hạn đến hạn trả của các hợp đồng vay là 59.470.660.000 đồng và khoản cổ tức phải trả là 40.000.000.000 đồng. Công ty cũng phát sinh dòng tiền âm từ hoạt động kinh doanh trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 với số tiền là 99.937.531.443 đồng. Các vấn đề này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản với cơ cấu nguồn vốn phù hợp, bao gồm kế hoạch tiếp tục huy động vốn từ các tổ chức tín dụng và các cổ đông. Tại ngày 30/6/2011, các tổ chức tín dụng đã có biên bản cuộc họp đồng ý về quan điểm chung xem xét cho vay bổ sung thêm vốn trung hạn căn cứ trên kết quả thẩm định hiệu quả của toàn bộ Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm với số vốn vay bổ sung dự kiến là 100 tỷ đồng. Công ty cũng nhận được Thư cam kết hỗ trợ về tài chính và hoạt động từ cổ đông chính là Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi. Bên cạnh đó, cùng với việc hoàn thành và đưa vào vận hành chính thức dây chuyền sản xuất mới đầu tư, Ban Giám đốc tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh cuối năm 2011 và năm 2012 sẽ khả quan hơn và mang lại nguồn lợi nhuận hợp lý để đảm bảo cho khả năng thanh toán của Công ty. Theo đó, theo đánh giá của Ban giám đốc báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, Quận Liên Chiểu

Báo cáo tài chính

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

	<u>(Số năm)</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện: (i) Giá trị quyền sử dụng đất và (ii) Phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất: được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính: bao gồm chi phí mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí thuê pano quảng cáo. Chi phí công cụ, dụng cụ được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí thuê pano quảng cáo được phân bổ theo thời gian thuê thực tế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản công nợ dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 tăng 939.586.881 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010: 597.716.062 đồng) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30/6/2011 giảm một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty có nghĩa vụ phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Đối với hoạt động chính là sản xuất các loại thép xây dựng, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 32121000074 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03 tháng 12 năm 2008, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% cho hai năm tiếp theo. Năm 2009 và năm 2010 là 2 năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất ưu đãi, do đó, năm 2011, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, Quận Liên Chiểu

Báo cáo tài chính

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	71.014.852	2.461.060.736
Tiền gửi ngân hàng	659.870.557	4.419.019.467
Các khoản tương đương tiền	-	34.000.000.000
	730.885.409	40.880.080.203

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	20.369.709.683	10.813.428.304
Nguyên liệu, vật liệu	92.772.363.275	43.567.787.348
Công cụ, dụng cụ	4.624.852.112	4.308.125.566
Thành phẩm	120.501.304.711	21.616.824.248
Hàng hóa	-	10.167.125.968
	238.268.229.781	90.473.291.434

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11, toàn bộ thành phẩm luyện, thành phẩm cán, và nguyên liệu tại ngày 30/6/2011 được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	76.568.867.706	141.488.694.022	10.774.535.950	1.850.015.595	230.682.113.273
Mua sắm mới	-	500.000.000	802.588.000	148.963.818	1.451.551.818
Đầu tư Xây dựng cơ bản hoàn thành	2.197.372.329	11.405.838.351	-	-	13.603.210.680
Tại ngày 30/6/2011	78.766.240.035	153.394.532.373	11.577.123.950	1.998.979.413	245.736.875.771
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	8.126.716.450	34.398.017.115	2.711.438.735	774.158.535	46.010.330.835
Khấu hao trong kỳ	2.004.589.386	9.170.096.201	914.983.485	211.550.672	12.301.219.744
Tại ngày 30/6/2011	10.131.305.836	43.568.113.316	3.626.422.220	985.709.207	58.311.550.579
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2011	68.634.934.199	109.826.419.057	7.950.701.730	1.013.270.206	187.425.325.192
Tại ngày 31/12/2010	68.442.151.256	107.090.676.907	8.063.097.215	1.075.857.060	184.671.782.438

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và 14, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định là nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản cố định khác để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, Quận Liên Chiểu

Báo cáo tài chính

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND	<u>Phần mềm máy tính</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	63,763,068,180	67,105,000	63,830,173,180
Tăng trong kỳ	137,755,879	30,000,000	167,755,879
Tại ngày 30/6/2011	63,900,824,059	97,105,000	63,997,929,059
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	-	24,753,167	24,753,167
Khấu hao trong kỳ	-	6,710,502	6,710,502
Tại ngày 30/6/2011	-	31,463,669	31,463,669
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2011	<u>63,900,824,059</u>	<u>65,641,331</u>	<u>63,966,465,390</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>63,763,068,180</u>	<u>42,351,833</u>	<u>63,805,420,013</u>

Như đã trình bày tại các Thuyết minh số 11 và 14, Công ty đã thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại các lô A1, A2, A3, A4, A5, A6, A13, A14, A15, A16, A17, A18, C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7 tại khu Công nghiệp Thanh Vinh với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 38.785.448.295 đồng (quyền sử dụng đất không có thời hạn) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>30/6/2011</u> VND	<u>31/12/2010</u> VND
Xây dựng Lò trung tần số 5 - Nhà máy luyện 1	-	12.303.459.349
Xây dựng Nhà máy cán 2 (i)	189.205.185.483	179.481.563.024
Xây dựng Nhà máy luyện 2	249.005.069.423	125.119.272.041
Xây dựng cơ bản khác	342.946.988	1.414.698.319
	438.553.201.894	318.318.992.733

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu phản ánh chi phí liên quan đến Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm để sản xuất thép xây dựng D6-D32 với tổng mức đầu tư của dự án là khoảng 450 tỷ đồng.

(i) Dây chuyền cán 2 bắt đầu thực hiện sản xuất thử từ tháng 6 năm 2011. Theo Báo cáo Kinh tế kỹ thuật về việc đầu tư dây chuyền cán 2, thời gian sản xuất thử sẽ kéo dài trong 3 tháng, sau đó thêm 3 tháng hiệu chỉnh công suất và ổn định chất lượng sản phẩm.

Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 là 16.317.328.634 đồng.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã dùng các tài sản được hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Giá trị đầu tư vào công ty liên kết phản ánh khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng với số tiền là 1.600.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ của công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, Quận Liên Chiểu

Báo cáo tài chính

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Liên Chiểu, Đà Nẵng (i)	169,000,000,000	146,762,987,734
- VND	169,000,000,000	133,616,909,846
- USD	-	13,146,077,888
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh TP. Đà Nẵng (ii)	82,115,173,240	21,325,589,164
- VND	51,333,175,918	14,936,927,453
- USD	30,781,997,322	6,388,661,711
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (iii)	10,597,806,100	-
- VND	10,597,806,100	-
Vay dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở Thuyết minh số 14)	59,470,660,000	39,206,752,000
	321,183,639,340	207,295,328,898

- (i) Các khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Liên Chiểu thể hiện khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 42/2010/HĐTD ngày 09/4/2010 và phụ lục bổ sung ngày 09/6/2011. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 300 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh mở L/C là 240 tỷ đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng, lãi suất cho vay bằng VND là 1,65%/tháng. Lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm nhận nợ, mức lãi suất cụ thể cho từng thời điểm nhận nợ được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị của nhà máy sản xuất sắt thép, một số phương tiện vận tải và nguyên vật liệu trong kho với phạm vi bảo đảm là 70 tỷ đồng. Số dư của khoản vay tại thời điểm 30/6/2011 là 169.000.000.000 đồng.
- (ii) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Đà Nẵng thể hiện khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 10691005/HĐTD ngày 05/5/2010 và phụ lục bổ sung số 11691005 ngày 6/5/2011. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 100 tỷ đồng (hạn mức có thể chuyển đổi sang ngoại tệ theo tỷ giá tương ứng). Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng, lãi suất cho vay bằng VND là 14,7%/năm, lãi suất cho vay bằng USD là 6,5%/năm. Lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm nhận nợ, mức lãi suất cụ thể cho từng thời điểm nhận nợ được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các lô đất số C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7, A1, A2, A17, A18 và tài sản khác bao gồm: giá trị hàng tồn kho trong phạm vi 50 tỷ đồng và thế chấp quyền phải thu từ các hợp đồng kinh tế trị giá 70 tỷ đồng. Số dư của khoản vay tại ngày 30/6/2011 là 51.333.175.918 đồng và 1.492.967,18 USD.
- (iii) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - chi nhánh Đà Nẵng (SHB Đà Nẵng) theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 366000HĐHM-PN/SHBĐN ngày 22/6/2010. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 50 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 22/6/2010; Lãi suất vay tùy thuộc vào từng lần nhận nợ và được ghi rõ trên giấy nhận nợ của từng lần rút vốn; Hợp đồng được đảm bảo bởi các tài sản là hàng hóa tồn kho thuộc sở hữu của Công ty. Công ty sử dụng các khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Số dư của khoản vay tại thời điểm 30/6/2011 là 10.597.806.100 đồng.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2011	12/31/2010
	VND	VND
Thuế GTGT phải trả	-	4.384.234.988
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.155.522.834	179.965.310
Thuế xuất nhập khẩu	30.675.196	2.556.075
Thuế thu nhập cá nhân	11.864.549	-
Thuế khác	-	5.278.070
	4.198.062.579	4.572.034.443

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, Quận Liên Chiểu

Báo cáo tài chính

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Cổ tức phải trả cho cổ đông	40,000,000,000	-
Bà Phan Thị Thảo Sương	7,895,000,000	-
Phải trả khác	1,006,086,454	433,850,166
	<u>48,901,086,454</u>	<u>433,850,166</u>

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi (i)	72.375.000.000	11.177.289.840
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Liên Chiểu, Đà Nẵng (ii)	92.999.885.592	102.606.177.592
- VND	56.299.845.592	65.669.845.592
- USD	36.700.040.000	36.936.332.000
Khoản vay đồng tài trợ (iii)	128.826.509.785	100.096.988.003
	<u>294.201.395.377</u>	<u>213.880.455.435</u>

- (i) Khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi (trước đây là Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi - cổ đông sáng lập của Công ty) là khoản vay theo thỏa thuận với hạn mức là 85.000.000.000 đồng trong thời gian 36 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền vay dài hạn tại cùng thời điểm của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Đà Nẵng. Lãi vay được trả vào ngày cuối cùng của tháng tính theo số dư nợ thực tế đến ngày trả nợ. Khoản vay không có đảm bảo. Số dư của khoản vay tại thời điểm 30/6/2011 là 72.375.000.000 đồng.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Liên Chiểu bao gồm các khoản vay:
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 177/2006/HDTD ngày 29/9/2006 cho Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất sắt thép Thành Lợi 04 với Công ty TNHH Thép Thành Lợi (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi – cổ đông sáng lập của Công ty) với số tiền là 20 tỷ đồng. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 60 tháng kể từ ngày 29/9/2006. Lãi suất của khoản vay được xác định tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng là 1,1%/tháng. Lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm nhận nợ, mức lãi suất cụ thể cho từng thời điểm nhận nợ được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng, lãi suất được thay đổi hàng năm tại hai thời điểm là ngày 30/6 và ngày 31/12. Lãi được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay: nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị của nhà máy sản xuất sắt thép. Số dư của khoản vay này tại thời điểm 30/6/2011 là 2.700.000.000 đồng.
 - Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 178/2006/HDTD ngày 29/9/2006 cho Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất sắt thép Thành Lợi 04 với Công ty TNHH Thép Thành Lợi (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi – cổ đông sáng lập của Công ty) với số tiền là 700.000 USD. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 60 tháng kể từ ngày 29/9/2006. Lãi suất của khoản vay được xác định tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng là 8,25%/năm. Lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm nhận nợ, mức lãi suất cụ thể cho từng thời điểm nhận nợ được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng, lãi suất được thay đổi hàng năm tại hai thời điểm là 30/6 và 31/12. Lãi được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay: nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị của nhà máy sản xuất sắt thép. Số dư của khoản vay này tại thời điểm 30/6/2011 là 60.000 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, Quận Liên Chiểu

Báo cáo tài chính

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Theo các Biên bản họp Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi (cổ đông sáng lập của Công ty), Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý và Thỏa thuận với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Liên Chiểu, từ tháng 4 năm 2008, Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý có trách nhiệm và nghĩa vụ thừa kế toàn bộ số dư còn lại của các khoản vay trung hạn nêu trên. Các tài sản hình thành từ khoản vay - Nhà máy sản xuất sắt thép Thành Lợi 04 (hiện là cơ sở sản xuất của Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý) cùng với giá trị quyền sử dụng đất các lô A3, A4, A5, A6, A13, A14, A15, A16 tiếp tục được sử dụng để cầm cố, thế chấp cho Ngân hàng.

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 157/2009/HĐTD ngày 19/5/2009 cho Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm với Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý với số tiền là 100 tỷ đồng. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 60 tháng (trong đó có 12 tháng ân hạn) kể từ ngày 19/9/2009. Lãi suất của khoản vay được xác định tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng là 0,875%/năm. Lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm nhận nợ, lãi suất được điều chỉnh hàng năm tại hai thời điểm là ngày 30/6 và ngày 31/12 theo quy định lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Đà Nẵng. Lãi được thanh toán vào ngày cuối cùng hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay: nhà xưởng, máy móc thiết bị của Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm. Số dư của khoản vay này tại thời điểm 30/6/2011 là 53.599.845.592 đồng và 1.720.000 USD.
- (iii) Ngày 17/08/2010, các Ngân hàng đồng tài trợ (bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – chi nhánh TP. Đà Nẵng, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Hải Châu, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh TP. Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - chi nhánh Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh (trong đó Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn TP. Đà Nẵng là Ngân hàng đầu mối) cùng ký kết hợp đồng tài trợ số 01/2010/NHTM-HĐTD để tài trợ vốn cho Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm giai đoạn 2 với Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý với số tiền là 145 tỷ đồng. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 60 tháng (trong đó có 12 tháng ân hạn) kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên (ngày 16/9/2010). Lãi suất của khoản vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau (bình quân của các bên đồng tài trợ) + 4,5%/năm, nhưng không vượt quá lãi suất cho vay tối đa từng thời kỳ theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có) hoặc chỉ đạo của hội sở chính các bên tham gia đồng tài trợ. Lãi suất được điều chỉnh mỗi năm 4 lần vào các ngày 01/01; 01/4; 01/7; 01/12 hàng năm. Lãi được thanh toán vào ngày cuối cùng hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay: nhà xưởng, máy móc và thiết bị của Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm và Công ty cam kết sử dụng nguồn khấu hao và lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh của dự án để ưu tiên trả nợ cho khoản vay. Số dư của khoản vay này tại thời điểm 30/6/2011 là 128.826.509.785 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2011</u>	<u>12/31/2010</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	59.470.660.000	39.206.752.000
Trong năm thứ hai	64.596.080.000	74.829.209.840
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	170.134.655.377	99.844.493.595
	<u>294.201.395.377</u>	<u>213.880.455.435</u>
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng (được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)	59.470.660.000	39.206.752.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>234.730.735.377</u>	<u>174.673.703.435</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, Quận Liên Chiểu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ	Thặng dư Vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	150.000.000.000	-	(1.199.139.855)	-	1.500.000.000	27.701.881.631	178.002.741.776
Tăng vốn	50.000.000.000	39.114.000.000	-	-	-	-	89.114.000.000
Tăng khác	-	-	3.653.299.058	-	-	-	3.653.299.058
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	89.672.771.097	89.672.771.097
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2009	-	-	-	3.911.648.998	2.411.648.998	-	6.323.297.996
Tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2010	-	-	-	4.483.638.555	4.483.638.555	(17.790.575.106)	(8.823.297.996)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Giảm khác	-	(1.938.900.000)	(2.877.960.477)	-	-	-	(4.816.860.477)
Tại ngày 01/01/2011	200.000.000.000	37.175.100.000	(423.801.274)	8.395.287.553	8.395.287.553	84.584.077.622	338.125.951.454
Tăng khác	-	-	4.848.778.684	-	-	-	4.848.778.684
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	33.203.556.715	33.203.556.715
Thông báo cổ tức	-	-	-	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
Giảm khác	-	-	(5.364.564.291)	-	-	-	(5.364.564.291)
Tại ngày 30/6/2011	200.000.000.000	37.175.100.000	(939.586.881)	8.395.287.553	8.395.287.553	77.787.634.337	330.813.722.562

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 6 số 0400605391 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/12/2010, vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng. Tại ngày 30/6/2011, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Số vốn thực góp tại ngày 30/6/2011		Số vốn thực góp tại ngày 31/12/2010	
	VND	%	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi (trước đây là Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi)	80.400.000.000	40,2	80.400.000.000	40,2	80.400.000.000	40,2
Các cổ đông khác	119.600.000.000	59,8	119.600.000.000	59,8	119.600.000.000	59,8
	200.000.000.000	100,0	200.000.000.000	100,0	200.000.000.000	100,0

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - ÝĐường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, Quận Liên Chiểu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****b. Trích lập các quỹ**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 số 57/2011/NQ - ĐHĐCĐ ngày 24/4/2011, Công ty đã thông qua phương án trích lập các quỹ năm 2010 như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính với số tiền là 4.483.638.555 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 4.483.638.555 đồng
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 2.500.000.000 đồng

Các khoản trích lập các quỹ nêu trên đã được Công ty thực hiện tạm trích và ghi nhận trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 số 57/2011/NQ - ĐHĐCĐ ngày 24/4/2011, Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức với tỷ lệ 30% tương đương số tiền là 55 tỷ đồng, trong đó 10% đã được tạm ứng năm 2010 tương đương 15 tỷ đồng và 20% còn lại tương đương 40 tỷ đồng sẽ được chi trả sau đại hội.

Cũng theo nghị quyết này, Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức với tỷ lệ cổ tức năm 2011 là 30%.

d. Số cổ phiếu đang lưu hành

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Số cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
<i>Cổ phiếu thưởng</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

16. DOANH THU

	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>	<u>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng doanh thu	401.921.349.517	283.714.823.618
+ <i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>401.870.567.517</i>	<i>283.114.712.558</i>
+ <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>50.782.000</i>	<i>600.111.060</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	17.329.827	-
+ <i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>17.329.827</i>	<i>-</i>
Doanh thu thuần	401.904.019.690	283.714.823.618

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>	<u>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn hàng đã bán	343.021.308.148	233.009.461.865
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	-
	343.021.308.148	233.009.461.865

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, Quận Liên Chiểu

Báo cáo tài chính

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.825.356.147	8.019.044.582
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.151.843.769	1.956.406.883
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	1.371.567.864
	18.977.199.916	11.347.019.329

19. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Thu tiền được phạt vi phạm hợp đồng	3.240.557.778	-
Hàng nhập thừa từ Nhà cung cấp	2.016.645.549	-
Thu nhập khác	597.135.877	12.626.264
	5.854.339.204	12.626.264

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	38.432.985.891	32.990.547.465
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	388.705.361	72.429.709
Thu nhập chịu thuế	38.821.691.252	33.062.977.174
Thu nhập từ hoạt động chính được ưu đãi	35.807.949.099	32.321.292.520
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	3.013.742.153	741.684.654
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.705.422.813	8.265.744.294
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	4.475.993.637	8.080.323.130
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.229.429.176	185.421.164

(*) Đối với hoạt động chính là sản xuất các loại thép xây dựng, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 32121000074 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03 tháng 12 năm 2008, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% cho hai năm tiếp theo. Năm 2009 và 2010 là 2 năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất ưu đãi, do đó, năm 2011, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp (tương đương với mức thuế suất 12,5%).

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, Quận Liên Chiểu

Báo cáo tài chính

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	33,203,556,715	32,805,126,301
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	20,000,000	15,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1,660	2,187

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Mua hàng hóa		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	144.425.816.964	27.152.895.415
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	1.993.733.805	349.380.955
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	43.116.805.046	17.572.779.100
Công ty Cổ phần Quảng cáo Sáng tạo Việt	1.088.594.831	772.336.000
Bán hàng hóa		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	8.742.313.517	24.127.448.095
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	19.919.564.193	6.280.528.499
Thông báo cổ tức	40.000.000.000	-
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	797.973.328	550.073.032

Số dư với các bên liên quan như sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải thu thương mại		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	181.689.860	13.325.186.820
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	-	-
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	-	11.101.691.305
Ứng trước cho nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	21.369.854.907	23.543.727.360
Công ty Cổ phần Quảng cáo Sáng tạo Việt	238.000.000	-
Phải trả thương mại		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	6.556.584.359	306.145.413
Công ty Cổ phần Vận tải Đà Nẵng	535.670.390	-
Vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	72.375.000.000	11.177.289.840
Lãi vay phát sinh phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	645.818.623	321.972.675
Vay vốn lưu động phải trả bà Phan Thị Thảo	7.895.000.000	-
Phải trả khác		
Cổ tức phải trả các cổ đông	40.000.000.000	-
Hàng nhận giữ hộ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	-	18.081.025.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, Quận Liên Chiểu

Báo cáo tài chính

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 25/7/2011, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam đã có thông báo chính thức về việc Công ty Cổ phần Thép Dana-Ý thực hiện trả cổ tức đợt 2 năm 2010 bằng tiền với tỷ lệ chi trả cổ tức 20%/cổ phần (1 cổ phần được nhận 2.000 đồng). Ngày đăng ký cuối cùng là 10/08/2011, thời gian thực hiện chi trả từ ngày 25/08/2011.

Hồ Nghĩa Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2011

Trần Mai Thị Bé Liệu
Kế toán trưởng